

# MỘT SỐ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC HỌC

**TS. HỒ THỊ DUNG**  
 Trường Đại học Hồng Đức

## Đặt vấn đề

Thiết kế và sử dụng hệ thống bài tập (HTBT) đa dạng và hiệu quả trong dạy học là vấn đề đặc biệt quan trọng, tuy nhiên làm thế nào để có một HTBT hay, hấp dẫn thì hiện nay còn ít được quan tâm. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, hầu như chưa có tác giả nào đưa ra một khái niệm về thiết kế HTBT.

Chúng tôi quan niệm: *"Thiết kế HTBT là quá trình nghiên cứu thu thập thông tin, biên tập và thiết kế các BT đảm bảo theo một quy trình chặt chẽ, phù hợp với lô gic của nội dung môn học, bài học nhằm thực hiện các nhiệm vụ dạy học"*.

## 1. Những đặc trưng trong thiết kế hệ thống bài tập

Dựa vào khái niệm trên cho chúng ta thấy thiết kế HTBT có những đặc trưng sau:

- Thiết kế HTBT là một hoạt động trí tuệ, tư duy sáng tạo của người nghiên cứu, trong đó các thao tác trí tuệ phân tích, tổng hợp, khái quát hoá... được vận dụng thường xuyên nhằm phân tích các thông tin thu thập được, biên tập hoặc thiết kế các BT theo một mục tiêu xác định;

- Thiết kế HTBT cần tuân theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo các yêu cầu và thực hiện theo một quy trình chặt chẽ;

- Thiết kế HTBT phải phản ánh đặc trưng của môn học và đa dạng, nhằm hình thành các kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên (SV) trên cơ sở vận dụng tri thức lí thuyết vào các tình huống khác nhau của thực tiễn.

Giáo dục học là bộ môn khoa học cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, là môn nghiệp vụ có vai trò đặc biệt quan trọng trong chương trình đào tạo tại các trường sư phạm hoặc các trường đại học đa ngành có đào tạo giáo viên nhằm hình thành cho SV ý thức, đạo đức nghề nghiệp và những kĩ năng sư phạm cần thiết.

Hiện nay, quan điểm mới về dạy tốt là giúp cho SV muốn học, biết cách học và học có kết quả. Để thực hiện mục tiêu trên, trong dạy học Giáo dục học, giảng viên (GV) cần tổ chức các hoạt động sư phạm theo hướng phát huy hứng thú, tính tích cực của SV trong học tập. Một trong những con đường cơ bản để thực hiện tốt mục tiêu là thông qua luyện tập các BT Giáo dục học.

## 2. Nguyên tắc chung trong thiết kế hệ thống bài tập

**2.1. HTBT phản ánh nội dung cơ bản của bài học, môn học, góp phần thực hiện mục tiêu bài học, môn học**

Trước khi thực hiện một bài học, GV nghiên cứu mục tiêu, nội dung cơ bản, phương pháp dạy học và hình dung tiến trình bài học sẽ diễn ra như thế nào, những khó khăn, vướng mắc mà SV sẽ gặp phải. Trên cơ sở đó, GV dự kiến nội dung nào cần sử dụng BT. Mỗi một BT đều hướng đến giải quyết một nhiệm vụ học tập cụ thể, kết quả của BT trước là tiền đề để giải quyết các BT tiếp theo. Thực hiện tốt nguyên tắc này là cơ sở để có một HTBT chất lượng, góp phần thực hiện mục tiêu của môn học.

**2.2. HTBT phải có tính vấn đề, kích thích SV giải quyết các nhiệm vụ học tập với những dữ kiện được diễn đạt rõ ràng**

Theo tác giả I. la Lecne: *"Vấn đề là một câu hỏi nảy ra hay đặt ra cho chủ thể mà chủ thể chưa biết lời giải từ trước và phải tìm tòi, sáng tạo lời giải nhưng chủ thể đã có sẵn một số phương tiện ban đầu để sử dụng thích hợp vào việc tìm tòi đó"*[4, Tr.27].

Vấn đề là mâu thuẫn cần được xem xét giải quyết. Vấn đề thường tồn tại trong đầu của chủ thể nhận thức dưới dạng câu hỏi: Cái gì? Tại sao? Như thế nào?. Do đó, giải quyết vấn đề là hình thức biểu hiện của tư duy sáng tạo và chính giải quyết vấn đề là động lực để thúc đẩy tư duy sáng tạo phát triển.

Tính vấn đề của BT chỉ xuất hiện khi BT chứa đựng một khó khăn nhất định, dưới sự hướng dẫn của GV, SV tích cực nghiên cứu, vận dụng các thao tác tư duy giải quyết các nhiệm vụ. Nếu cá nhân khắc phục được khó khăn đó thì bài toán sẽ mất đi tính vấn đề của nó. Vì vậy, HTBT không ngừng nâng cao dần mức độ khó khăn trong học tập, tạo nên sự căng thẳng về mặt trí lực, thể lực một cách vừa sức, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm cá biệt, đây cũng là con đường phát hiện, bồi dưỡng những HS có năng khiếu với môn học.

BT được sử dụng trong mở bài hay khi giải quyết một nhiệm vụ học tập nào đó sẽ có tác dụng kích thích tính tò mò và hứng thú của người học. Tính phức tạp hay đơn giản của BT luôn là yếu tố cần được xem xét. Đây là những thủ thuật mà những GV có kinh nghiệm thường hay sử dụng nhằm kích thích sự chú ý của SV vào bài học. Tuy nhiên, các tình huống có vấn đề cần được tạo ra một cách tự nhiên, phù hợp với tiến trình của giờ học, phản ánh mối liên hệ logic giữa kiến thức cũ và mới, tạo cho các em một sự tò mò, hứng thú tìm kiếm tri thức mới và hình thành nhu cầu giải quyết nhiệm vụ. Trong thực tế, không phải lúc nào, bài học nào cũng sử dụng thủ thuật này.

**2.3. HTBT phải có tính điển hình, có tính khái quát cao và phát huy được tính tích cực nhận thức của người học**

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung từng chương, thiết kế BT cần tập trung trên 2 loại chính: BT lí thuyết và BT thực hành. Trong mỗi loại BT này cần có cả BT tái hiện và BT sáng tạo.

Cần thiết kế những BT điển hình với những khó khăn và phức tạp khác nhau, chứa đựng những phương pháp giải quyết vấn đề khác nhau. Hệ thống BT cần phát huy tính sáng tạo trong cách giải quyết vấn đề của người học, tránh đưa ra những BT mà trong đó vấn đề giải quyết quá giản đơn chỉ dựa vào những hiểu biết hoặc những kĩ năng sẵn có của HS.

Đối với loại BT tình huống – một dạng của BT thực hành, đây là loại BT được GV thường sử dụng trong quá trình dạy học, cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tình huống mà SV thường gặp trong nghề nghiệp tương lai của mình;
- Tình huống phải đem lại cho SV những kinh nghiệm thiết thực, tác động mạnh mẽ đến tình cảm của SV;
- Tình huống phải thực sự nâng cao nhận thức của SV cả về kiến thức bộ môn lẫn kiến thức xã hội, đòi hỏi phải huy động nhiều kiến thức lí thuyết để giải quyết;
- Tình huống gây được nhiều ý kiến trái ngược nhau càng có tác dụng sâu sắc kích thích hoạt động tư duy của SV.

Hình thức thiết kế loại BT này đa dạng, có thể yêu cầu SV tự xây dựng hoặc sưu tầm tình huống và đưa ra cách giải quyết, hoặc những BT bổ xung dữ kiện, hoặc đưa ra những tình huống cụ thể, đặc trưng của nghề nghiệp và yêu cầu SV bằng kinh nghiệm cá nhân giải quyết tình huống đó, viết thu hoạch qua thâm nhập thực tế tại các trường phổ thông... Qua đó, góp phần hình thành, phát triển ở họ khả năng tìm tòi, tự phát hiện, tự luyện tập và rèn luyện các kĩ năng nghề nghiệp.

**Ví dụ:** Qua đợt kiến tập tại các trường phổ thông, anh (chị) hãy lấy một ví dụ cụ thể một giờ dạy mà anh (chị) đã dự, trong đó làm rõ:

1. Việc vận dụng những nguyên tắc dạy học trong giờ dạy?
2. Đánh giá hiệu quả việc sử dụng các phương pháp dạy học trong bài học đó?
3. Anh (chị) hãy thử đề xuất cách thức tổ chức giờ học mà anh (chị) cho là hiệu quả nhất? Phân tích?

**2.4. HTBT phải xuất phát từ thực tiễn và có ý nghĩa giáo dục**

Để thiết kế một HTBT có giá trị, nội dung các BT cần phản ánh những gì đang xảy ra trong thực tiễn, phù hợp với môn học, với chuyên ngành đào tạo của SV. Ngoài ra, BT còn là con đường bồi dưỡng cho SV hứng thú, tính sáng tạo, ý chí, niềm tin vào bản thân và sự chủ động trong học tập và nghiên cứu.

**2.5. HTBT đảm bảo tính vừa sức**

Trong dạy học, những yêu cầu và nhiệm vụ để ra cho người học phải tương ứng với giới hạn cao nhất của vùng phát triển trí tuệ gần nhất. Do vậy, thiết kế BT cần tính đến khả năng của người học, BT phải nằm ở giới hạn trên vùng phát triển trí tuệ gần nhất của người học. GV không nên ra những BT quá khó hay quá dễ so với đặc điểm nhận thức của người học, điều này làm cho người học cảm thấy chán nản, nhụt chí, không có hứng thú, nhu cầu giải quyết nhiệm vụ học tập hoặc chủ quan, tự mãn với kết quả đạt được.

**2.6. HTBT phải đảm bảo cho SV có đủ tri thức hay nguồn tài liệu nghiên cứu tìm tòi giải đáp**

Học tập ở đại học chủ yếu là tự học, tự nghiên cứu, do vậy, để SV chủ động trong học tập, GV cần giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo nhằm giúp SV chủ động trong nghiên cứu. Đặc biệt, nên khuyến khích SV sử dụng công nghệ thông tin để tổ chức học tập và báo cáo sản phẩm mà cá nhân và nhóm đã thực hiện. Việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhằm sơ đồ hoá và mô hình hoá các nội dung học tập giúp SV phát triển tư duy logic, nhớ lâu, và làm rõ mối liên hệ giữa các nội dung của bài học, môn học.

**3. Nguyên tắc sử dụng hệ thống bài tập trong dạy học****3.1. Sử dụng HTBT đảm bảo thực hiện mục tiêu môn học, bài học**

Mục đích của quá trình dạy học là tổ chức cho SV nắm vững tri thức, rèn luyện kĩ năng và phát triển các phẩm chất trí tuệ. Do vậy, sử dụng HTBT cần đảm bảo:

- Lĩnh hội tri thức mới, bồi dưỡng phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tự học;
- Củng cố tri thức, rèn luyện kĩ năng giải quyết các nhiệm vụ học tập;
- Giáo dục thái độ, ý thức học tập đúng đắn cho người học;
- Bồi dưỡng hứng thú, tính tích cực trong học tập cho người học.

Ngoài ra, để sử dụng BT đạt hiệu quả cao cần tính đến những điều kiện dạy học cụ thể như: Thời gian, không gian tiến hành dạy học, các phương tiện dạy học, năng lực của GV. Thực tế, không phải nội dung nào cũng cần sử dụng BT, có những BT bắt buộc SV phải thực hiện, nhưng có những BT mà GV chỉ nên khuyến khích SV thực hiện.

**3.2. Sử dụng HTBT cần phù hợp với đặc trưng của mỗi giờ học**

Hiện nay, dạy học ở đại học có nhiều loại giờ học nhưng thông thường có 3 loại giờ học cơ bản: Lí thuyết, thảo luận/xemina, tự học. Để thực hiện một bài học, GV có thể thực hiện thông qua một giờ học hoặc nhiều giờ học. Do tính chất dạy học ở đại học là tăng cường khả năng tự học của SV, vì vậy GV cần căn cứ vào mục tiêu

SV cần đạt của mỗi giờ học (lí thuyết, thảo luận, tự học), từ đó dự kiến loại BT nào sẽ phù hợp với mỗi giờ học. Đối với giờ học lí thuyết, số lượng BT sử dụng ít hơn so với các giờ học thảo luận/xêmina, tự học.

Ví dụ: Trong giờ lí thuyết, GV thường tổ chức, hướng dẫn SV lĩnh hội những vấn đề cơ bản, trọng tâm của bài học, nội dung còn lại có thể hướng dẫn cho SV thảo luận, luyện tập thông qua BT tại lớp hoặc giao về nhà để SV tự nghiên cứu. Để giờ học trên lớp có hiệu quả, GV cần định hướng cho SV nghiên cứu một số nội dung trước khi lên lớp, trình bày kết quả tự nghiên cứu dưới các hình thức: Viết tóm tắt, lập đề cương, mô hình hoá kết quả tự học, báo cáo tóm tắt những kết quả thu được, trong đó đưa ra những quan điểm của cá nhân nhằm phát huy tính sáng tạo của SV trong tự học.

Việc lựa chọn và sử dụng BT cần đảm bảo khi người học hoàn thành các BT, điều đó đồng nghĩa với việc đưa người học đến một sự nhận thức mới hay sự vận dụng thành thạo kĩ năng nào đó.

**3.3. Sử dụng HTBT phải phản ánh mối quan hệ qua lại giữa người dạy và người học, giữa người học với nhau**

Bản chất của quá trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của người học, trong đó GV với vai trò là người tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV lĩnh hội tri thức; SV tích cực, tự giác, chủ động tổ chức hoạt động học tập để lĩnh hội tri thức, rèn luyện kĩ năng môn học. Vì vậy, sử dụng BT chỉ có hiệu quả khi SV nhận thức đầy đủ yêu cầu học tập của bản thân, tự giác, chủ động tham gia vào quá trình học tập với một thái độ tích cực, sáng tạo và lôi cuốn mọi người cùng tham gia động não, tranh luận, giải quyết vấn đề dưới sự hướng dẫn, gợi mở của GV. Ngoài ra, SV có thể đề xuất những vấn đề mới, có tính thời sự để GV và tập thể cùng nhau trao đổi, phát huy trí tuệ của tập thể, đồng thời tạo bầu không khí học tập tích cực.

Để giải quyết các nhiệm vụ học tập, SV không chỉ dựa trên những BT mẫu của GV, mà cần tìm ra những phương pháp giải độc đáo. Ngoài ra, BT cần sử dụng đúng lúc, đúng chỗ thì quá trình dạy học mới đạt hiệu quả cao.

**3.4. Sử dụng HTBT trong dạy học gắn liền với đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả của bài học, môn học**

Nội dung đào tạo ở các trường đại học ngày nay có xu hướng ngày càng gắn bó với thực tiễn xã hội, với định hướng nghề nghiệp. Do vậy, đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra, đánh giá là nhiệm vụ thường xuyên đối với mỗi GV. Sử dụng BT trong dạy học là một biện pháp nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức phối hợp hoạt động giữa thầy và trò, trong đó:

- Chuyển đổi hoạt động của người học từ tính thụ động sang tính chủ động;

- Chuyển đổi hoạt động của người dạy, mối quan hệ giữa người học và người dạy;

- Chuyển đổi hệ thống đánh giá người học: Đánh giá kết quả học tập của SV không chỉ có GV mà SV có thể kiểm soát và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân;

- Coi trọng thời gian tự học của người học như thời gian học trên lớp.

Đổi mới các phương pháp kiểm tra, đánh giá môn học có tác động mạnh mẽ đến ý thức, thái độ, kế hoạch học tập của mỗi SV. Việc đa dạng hoá các phương pháp kiểm tra (viết, vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm...) giúp GV có thể kiểm soát và điều chỉnh quá trình dạy học sao cho không chệch hướng mục tiêu đã đề ra. Đối với người học sẽ tiếp thu được nhiều kiến thức, rèn luyện kĩ năng, nâng cao khả năng kiểm soát tình huống thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ học tập.

**Kết luận**

Khi thiết kế và sử dụng HTBT trong dạy học, GV cần tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định nhằm kích thích hứng thú, tính tích cực, chủ động của SV trong giải quyết các nhiệm vụ học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học tại các trường đại học hiện nay.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đặng Vũ Hoạt – Hà Thị Đức (2009), *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Trần Bá Hoàn (1998), *Người giáo viên trước thềm thế kỉ XXI*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 11, tr.1-5.
3. Kharlamov I. F.(1978), *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào*, Tập 1 - 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Lecne. I.la. (1977), *Dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Lê Văn Trường (2007), *Một số vấn đề đào tạo theo học chế tín chỉ*, tài liệu chuyên khảo, Đại học Hồng Đức.
6. Thái Duy Tuyên (1991), *Đổi mới giáo dục học theo hướng gắn chặt hơn nữa với thực tiễn*, Tạp chí Giáo dục, số 4, tr.1 - 4.

**SUMMARY**

To design and use the systems of diverse and effective exercises in teaching are particularly important issues, however, the way to have a good or attractive system of exercises is less concerned. When designing and using systems of assignments in teaching, teachers need to comply with certain guidelines in order to stimulate interest, positive, proactive in addressing student doing tasks, contributing improve the quality of teaching at the university today. The paper presents the following: 1 / The characteristic of exercise system design; 2 / General principles of exercise system design; 3 / Principles of using exercise systems in teaching.